

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 399/TTr-UBND

An Giang, ngày 06 tháng 7 năm 2018

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết phân cấp quản lý tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang**

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH AG	
ĐẾN	Ngày: 06/...7.../2018
	Số: 5892
	Chuyển:
	Lưu Hồ Sơ: M. UBND

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp, xử lý tài sản công.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT:

1. Trước ngày 01/01/2018, việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang thực hiện theo Nghị quyết số 19/2013/NQ-HĐND ngày 10/12/2013 và Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 09/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung Nghị quyết số 19/2013/NQ-HĐND ngày 10/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang được ban hành theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Từ ngày 01/01/2018, căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, trong đó quy định:

a) Tại khoản 2 Điều 17 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau: “Căn cứ quy định của Luật này, phân cấp của Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương”.

b) Tại khoản 1 Điều 138 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công quy định trách nhiệm thi hành của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau: “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản

ly theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định này trước ngày 31/7/2018 để tổ chức thực hiện".

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang là cần thiết, phù hợp quy định và thực tiễn của địa phương.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:

1. Mục đích:

a) Việc phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang nhằm thực hiện phân cấp thẩm quyền quyết định theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 165/2017/NĐ-CP và Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

b) Việc phân cấp đảm bảo nguyên tắc phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền, tạo tính chủ động cho Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh là cơ quan chủ quản; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quản lý, sử dụng tài sản công; giảm bớt áp lực cho cấp tỉnh và khắc phục được những hạn chế, vướng mắc, đảm bảo thời gian khi thực hiện; có hiệu quả, trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; góp phần thực hiện tốt chủ trương của Đảng, Nhà nước trong công tác quản lý tài sản công.

2. Quan điểm chỉ đạo:

a) Thực hiện xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tuân thủ đúng theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 165/2017/NĐ-CP và Nghị định số 167/2018/NĐ-CP; nội dung phân cấp phải phù hợp với thực tiễn và yêu cầu về quản lý, sử dụng tài sản công của tỉnh.

b) Có tính kế thừa những nội dung phân cấp còn phù hợp tại Nghị quyết số 19/2013/NQ-HĐND ngày 10/12/2013 và Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 09/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung Nghị quyết số 19/2013/NQ-HĐND ngày 10/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

c) Bổ sung những quy định của Luật, Nghị định của Chính phủ để phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tới các ngành, các cấp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh nhằm chủ động trong công tác quản lý, sử dụng cũng như khai thác, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công; góp phần thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng lãng phí, tăng thu cho ngân sách tỉnh, tối đa hóa các nguồn lực tài chính từ tài sản công phục vụ đầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:

1. Căn cứ quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 165/2017/NĐ-CP và Nghị định số 167/2017/NĐ-CP; Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và gửi xin ý kiến đóng góp theo quy định; cụ thể như sau:

a) Các cơ sở để xây dựng dự thảo Nghị quyết:

- Căn cứ quy định thẩm quyền phân cấp của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 165/2017/NĐ-CP và Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

- Trên cơ sở kế thừa các nội dung phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước còn phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương theo Nghị quyết số 19/2013/NQ-HĐND và Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND.

b) Để đảm bảo trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 17 Quyết định số 76/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang; Sở Tài chính đã có Công văn số 778/STC-GCS ngày 13/4/2018 đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan tham gia ý kiến cho bản dự thảo Nghị quyết.

Toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh được gửi bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (www.angiang.gov.vn), của Sở Tài chính (<http://sotaichinh.angiang.gov.vn>) trong thời gian 30 ngày.

2. Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; Sở Tài chính đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định.

3. Ngày 31/5/2018, Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 150/STP-XDKT về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết.

4. Sở Tài chính tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thông qua kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:

Dự thảo Nghị quyết gồm Nghị quyết và Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết; cụ thể như sau:

1. Dự thảo Nghị quyết gồm 3 điều:

- Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

- Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

- Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX kỳ họp thứ 7 thông qua ngày tháng năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày..... tháng.....năm 2018 và thay thế Nghị quyết số 19/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung Nghị quyết số 19/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết gồm 13 điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.
- Điều 2. Đối tượng áp dụng.
- Điều 3. Nguyên tắc phân cấp.
- Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc địa phương quản lý.
- Điều 13. Điều khoản thi hành.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang. Tờ trình này thay thế Tờ trình số 293/TTr-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Nưng

Số: /2018/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp, xử lý tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng..... năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế và ngân sách, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX kỳ họp thứ 7 thông qua ngày tháng năm 2018, có hiệu lực từ ngày.... tháng năm 2018 và thay thế Nghị quyết số 19/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm

2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung Nghị quyết số 19/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu – UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Thường trực TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang, Báo AG, Đài Phát thanh truyền hình AG;
- Website tỉnh AG, Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp.

CHỦ TỊCH

Võ Anh Kiệt

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số :...../2018/NQ-HĐND
ngày.....tháng.....năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang, bao gồm:

1. Phân cấp quản lý tài sản công tại các cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện được Nhà nước giao tài sản bằng hiện vật và cấp kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để đầu tư, mua sắm, thuê tài sản (sau đây gọi chung là Văn phòng huyện ủy); tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; gồm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ);

b) Xe ô tô (gồm xe ô tô công tác và xe ô tô chuyên dùng) và phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị;

c) Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu;

d) Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

2. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc địa phương quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

5. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Văn phòng huyện ủy, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức

xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

6. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Phân cấp quản lý tài sản công nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo đúng quy định tại Luật quản lý, sử dụng tài sản công, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, được giao. Việc phân cấp phù hợp với quy định về phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu công tác quản lý tài sản công của tỉnh.

2. Tài sản công được đầu tư, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

3. Phân cấp quản lý tài sản công nhằm tạo điều kiện và nâng cao năng lực quản lý cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đồng thời tăng cường thực hiện công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của các ngành, các cấp cũng như các cơ quan, tổ chức, đơn vị về quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công phải quản lý, sử dụng tài sản theo đúng chế độ hiện hành và theo các quy định về phân cấp của tỉnh; thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Đối với việc mua sắm tài sản theo phương thức tập trung cấp tỉnh (trừ thuốc): giao Ủy ban nhân tỉnh quyết định ban hành danh mục tài sản và đơn vị mua sắm tập trung cấp tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 67 và khoản 4 Điều 68 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Đối với việc mua sắm tài sản không theo phương thức tập trung cấp tỉnh:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với các loại tài sản:

- + Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- + Xe ô tô theo quy định tại Nghị định của Chính phủ;
- + Tài sản khác có giá trị lớn từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần mua sắm tài sản (01 gói thầu trong đó có tài sản giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

+ Phê duyệt dự toán kinh phí mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

- Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 một lần mua sắm tài sản (một gói thầu gồm nhiều tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) từ dự toán kinh phí được giao hàng năm và nguồn thu được phép để lại sử dụng theo chế độ quy định của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với các loại tài sản:

+ Tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 một lần mua sắm tài sản (một gói thầu gồm nhiều tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã;

+ Phê duyệt dự toán kinh phí mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã.

- Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 một lần mua sắm tài sản (một gói thầu) từ dự toán kinh phí được giao hàng năm và nguồn thu được phép để lại sử dụng theo chế độ quy định thuộc phạm vi quản lý.

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Đối với thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

2. Đối với thuê tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị: trong phạm vi dự toán kinh phí được giao hàng năm và nguồn thu được phép để lại sử dụng theo chế độ quy định, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thuê theo tiêu chuẩn, định mức của cấp có thẩm quyền.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị :

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác đối với các loại tài sản:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thu hồi tài sản (trong đó có tài sản nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần thu hồi tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần thu hồi tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thu hồi tài sản thuộc phạm vi quản lý hoặc theo yêu cầu

của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị :

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan trong các trường hợp sau:

- a) Giữa các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh.
- b) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh với cấp huyện, cấp xã.
- c) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện khác đơn vị hành chính.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) trong phạm vi nội bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản (trừ xe ô tô) trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan trong các trường hợp sau:

- a) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý.
- b) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện với cấp xã.
- c) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã khác đơn vị hành chính.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị :

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với các loại tài sản:

- a) Bán đấu giá tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- b) Xe ô tô;
- c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần bán tài sản (trong đó có tài sản nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh quyết định bán tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần bán tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần bán tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần bán tài sản thuộc phạm vi quản lý.

5. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với các loại tài sản sau:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thanh lý tài sản (trong đó có tài sản nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần thanh lý tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với các loại tài sản sau:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và

các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã.

b) Tài sản khác (trừ xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần thanh lý tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và cấp xã.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô) có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thanh lý tài sản thuộc phạm vi quản lý.

5. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý tài sản (trừ công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô và tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Tài sản công bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về môi trường và pháp luật có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với các loại tài sản sau:

- Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất;

- Xe ô tô;

- Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần tiêu hủy tài sản (trong đó có tài sản nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh quyết định tiêu hủy đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần tiêu hủy tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần tiêu hủy tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) trên cơ sở

đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần tiêu hủy tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với các loại tài sản sau:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần xử lý tài sản (trong đó có tài sản nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh quyết định xử lý đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần xử lý tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần xử lý tài sản (gồm nhiều tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý đối với tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần xử lý tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc địa phương quản lý

1. Tài sản phục vụ hoạt động dự án là tài sản được hình thành theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Nghị quyết này.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công không nêu trong Nghị quyết này thì thực hiện theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 165/2017/NĐ-CP, Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, Thông tư số 144/2017/TT-BTC và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH

Võ Anh Kiệt